

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/HC-PT

Ngày 28 tháng 6 năm 2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi
Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 123/2020/TLPT-HC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1430/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989.

1.2. Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; cùng địa chỉ liên lạc: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kiều T1: Ông Bùi Quang L; địa chỉ cư trú: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020 và ngày 07/8/2020).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn L, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Q (Quyết định ủy quyền số 931/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Anh K, Trưởng phòng Phòng T3 nguyên và Môi trường thành phố Q.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm N Anh V, sinh năm 1984.

3.2. Chị Lê Thị Mỹ T2, sinh năm 1990.

3.3. Anh Lê Tấn P, sinh năm 1993.

3.4. Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1995.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; cùng địa chỉ liên lạc: Số 930 đường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn thị Kiều T1 và ông Bùi Quang L.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 05/6/2020, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Bùi Quang L trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 không khởi kiện Quyết định số 2788/QĐ-UBND và số 2789/QĐ-UBND cùng ngày 04/5/2016 của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q, vì các Quyết định này giao đất cho bà T, bà T1 chứ không thấy định giá đất giao cho hai bà.

Nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q không công nhận nội dung khiếu nại của bà T, bà T1 về việc hai bà khiếu nại giá tiền phải trả cho diện tích đất mà hai bà nhận tái định cư mỗi m² cao hơn nhiều hộ dân trong cùng dự án khi bị giải phóng mặt bằng làm đường bờ Nam sông T. Quyết định này nêu là do việc áp giá đất cho hai bà khác thời điểm những hộ dân khác.

Lý do bà T, bà T1 không đồng ý với Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 nêu trên là vì: Hai bà khi nhận được Thông báo (lần 1) về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường bờ Nam sông T số 514/TB-TT ngày 11/11/2015 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q là tranh thủ thu xếp chấp hành và nhận tiền, đất tái định cư vào ngày 10/12/2015. Bà T, bà T1 không làm gì sai phạm mà dời hai bà vào thời điểm áp giá khác để hai bà phải trả giá đất tái định cư cao hơn các hộ dân khác 123.500.000 đồng. Ngoài ra, thực tế là nhiều hộ dân khác cũng được nhận đất (có lập Biên bản bàn giao đất trên thực địa) cận kề thời gian mà hai bà nhận đất. Cụ thể như hộ bà Nguyễn Thị Cẩm có Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cùng một ngày với hộ bà T và bà T1. Việc áp giá đất vào những thời điểm khác nhau một cách tùy tiện, vô cớ làm bà T, bà T1 phải trả tiền đất tái định cư cao hơn giá các hộ dân khác là không đúng.

Bà T, bà T1 cũng đã nhận được Thông báo (Lần 1) ngày 11/11/2015 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố Q về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đường bờ Nam sông T đoạn đi qua phường N và hai bà đã nhận

xong. Còn số tiền bồi thường bổ sung đợt 2 là 94.906.800 đồng bà T chưa nhận. Tiền bồi thường bổ sung đợt 2 của bà T1 thì bà T1 đã nhận xong vào năm 2018. Bà T, bà T1 đã nhận đất tái định cư vào ngày 10/12/2015; sau đó bà T1 đã bán thửa đất nhận tái định cư vào năm 2016; bà T đã làm nhà ở từ năm 2015.

Bà T, bà T1 cho rằng việc UBND thành phố Q tính giá thu tiền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nhận tái định cư LK02.02 và LK03.02 cao hơn so với bà Trương Thị T3, ông Nguyễn N, bà Phạm Thị Tâm là người đã được nhận đất tái định cư cùng thời điểm với bà T, bà T1. Mặt cắt đường trước mặt thửa đất tái định cư của bà T3, ông Nhân là 13,5 m như mặt cắt đường trước thửa đất LK02.02 và LK03.02 tái định cư của bà T, bà T1 nhưng bà T3, ông Nhân thì UBND thành phố Q tính tiền sử dụng đất 2.500.000 đồng/m², còn bà T, bà T1 thì UBND thành phố Q tính giá 3.080.000 đồng/m². Do đó, bà T và bà T1 thấy rằng quyền và lợi ích của hai bà bị xâm phạm so với những người dân khác; bà T, bà T1 khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Q về việc buộc bà T, bà T1 phải nộp tiền sử dụng đất cao hơn so với những người dân khác nhưng không được chấp nhận.

Vì vậy, bà T và bà T1 yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà T, bà T1; ngoài ra, hai bà không có yêu cầu gì khác.

2. Ý kiến của người bị kiện (Tại Công văn số 3890/UBND ngày 06/8/2020, của Chủ tịch UBND thành phố Q):

Dự án Đường Bờ Nam sông T (viết tắt là Dự án) được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 793/QĐ-UBND ngày 30/5/2012 và Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 06/6/2014. UBND thành phố Q ban hành các văn bản: Công văn số 1374/UBND ngày 31/8/2012 về việc thông báo thu hồi đất bổ sung của 02 nút giao thông đầu tuyến và cuối tuyến để thực hiện Dự án; từ cơ sở đó, đơn vị lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (trước đây là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q, nay là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố Q) phối hợp với chủ đầu tư (Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi), UBND phường N và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm kê lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án (đoạn đi qua phường N) với 11 hộ gia đình, cá nhân trình UBND thành phố Q phê duyệt tại Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015, trong đó có hộ ông Nguyễn Đức T, hộ bà Nguyễn Thị Thanh T, hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1, hộ bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Hộ ông Nguyễn Đức T sử dụng thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 01, đo vẽ năm 1993, diện tích 437 m², loại đất ở đô thị, được UBND thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Q) cấp GCNQSD đất cho cá nhân ông Nguyễn Đức T vào ngày 19/9/2005. Năm 2010, thực hiện Dự án Kè chống sạt lở bờ Nam sông T đã thu hồi một phần diện tích đất 80,5 m² và bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Đức T. Theo tờ bản đồ số 01 đo vẽ năm 2014, ông Nguyễn Đức T sử dụng thửa đất số 16, diện tích 356,5 m², loại đất ODT; toàn bộ diện tích đất này nằm trong quy hoạch Dự án Đường bờ Nam sông T, UBND thành phố Q đã thu hồi tại Quyết định số 6153/QĐ-UBND ngày 26/12/2014. UBND thành phố Q ban hành các văn bản:

Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (phương án đợt 2); Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 phê duyệt phương án giao đất tái định cư và điều chỉnh hệ số K (phương án đợt 3 và bổ sung phương án đợt 2); Quyết định số 12269/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đường bờ Nam sông T (bổ sung phương án đợt 2), cụ thể như sau:

(1) Đối với hộ ông Nguyễn Đức T: Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 và Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 là 1.082.994.214 đồng (trong đó: Bồi thường, hỗ trợ đất 625.001.520 đồng; bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc 235.586.694 đồng; bồi thường cây cối, hoa màu 1.860.000 đồng; các khoản hỗ trợ 24.958.000 đồng; hỗ trợ chênh lệch giá đất tái định cư và giá đất ở bị thu hồi 195.588.000 đồng).

Về giao đất tái định cư: Theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 của UBND thành phố Q thì ông Nguyễn Đức T được giao 01 lô đất tái định cư (Lô số LK02.04 diện tích 108 m²), tuy nhiên ông T kiến nghị hoán đổi cho gia đình ông lô đất với diện tích lớn hơn. UBND thành phố Q thống nhất chủ trương hoán đổi lô đất tái định cư cho ông T, theo đó ông được hoán đổi lô số LK05.09, diện tích 135 m², có mặt cắt đường 16,5 m ở Khu dân cư đường Trần Khánh Dư (tại Phiếu đề xuất số 1020/PĐX-VP ngày 04/12/2015 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND thành phố Q); đồng thời ban hành Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 về việc giao đất cho hộ ông Nguyễn Đức T.

(2) Đối với hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1, hộ bà Nguyễn Thị Thanh T: Bà T1, bà T đã lập gia đình, được ông Nguyễn Đức T cho mỗi người 01 căn phòng để ở trong ngôi nhà của ông T trên thửa đất ở bị thu hồi. Qua kiểm tra thì 02 bà không còn đất ở, nhà ở nào khác thuộc địa bàn phường N nên mỗi trường hợp được giao 01 lô đất tái định cư theo diện nhiều thế hệ quy định tại khoản 4 Điều 29 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND, cụ thể:

- Hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1: Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 và Quyết định số 12269/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 là 219.564.819 đồng (trong đó: Bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc 98.060.970 đồng; các khoản hỗ trợ 26.597.049 đồng; hỗ trợ chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bị thu hồi 94.906.800 đồng). Bà T1 được giao 01 lô đất số LK02.02, diện tích 108 m² có mặt cắt đường 13,5 m tại Khu dân cư đường Trần Khánh Dư theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của UBND thành phố Q.

- Hộ bà Nguyễn Thị Thanh T: Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 và Quyết định số 12269/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 là 220.046.264 đồng (trong đó: Bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc 98.519.489 đồng; các khoản hỗ trợ 26.619.974 đồng; hỗ trợ chênh lệch giữa giá đất tái định cư và giá đất bị thu hồi 94.906.800 đồng). Bà T được giao 01 lô đất số LK03.02, diện tích 104,9 m² có mặt cắt đường 13,5m tại Khu dân cư đường Trần Khánh Dư theo Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 của

UBND thành phố Q.

Về giá đất tái định cư tại Khu dân cư đường Trần Khánh Dư được UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định tại Công văn số 610/UBND ngày 04/02/2016. Trong đó, các lô đất tiếp giáp với tuyến đường số 03 và số 05 có mặt cắt nền đường 16,5m là 3.242.800 đồng/m²; các lô đất tiếp giáp với tuyến đường số 04 có mặt cắt nền đường 13,5m là 3.080.000 đồng/m²; tại điểm 2 của Công văn có nội dung: *“Giá đất thu tiền sử dụng đất tại điểm 1 của Công văn này được áp dụng đối với các trường hợp bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố Q, được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường tại thời điểm năm 2015 và đối tượng được giao đất tái định cư nhận tiền bồi thường theo phương án đã phê duyệt”*.

Qua kiểm tra phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho thấy đơn giá đất tại nơi thu hồi, bồi thường cho ông Nguyễn Đức T là 1.794.000 đồng/m². Như vậy, đơn giá đất ở thu hồi thấp hơn đơn giá đất tại khu tái định cư, có sự chênh lệch về đơn giá đất ở giữa 02 vị trí tại khu tái định cư và khu vực đất ở bị thu hồi (cụ thể: Mức chênh lệch giữa đơn giá đất tái định cư với đơn giá đất ở bị thu hồi đối với trường hợp ông Nguyễn Đức T là 1.448.800 đồng/m² (3.242.800 - 1.794.000) đồng/m²; bà Nguyễn Thị Kiều T1, bà Nguyễn Thị Thanh T có mức chênh lệch là 1.286.000 đồng/m² (3.080.000 - 1.794.000) đồng/m². Đối chiếu quy định thì các trường hợp ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kiều T1, bà Nguyễn Thị Thanh T đủ điều kiện được hỗ trợ mức chênh lệch giữa đơn giá đất tái định cư và đơn giá đất ở bị thu hồi khi được giao đất tái định cư; diện tích đất hỗ trợ là diện tích đất ở bị thu hồi (356,5 m²); phần diện tích đất chênh lệch giữa diện tích giao đất tái định cư so với diện tích đất ở bị thu hồi phải nộp theo giá đất thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư. Tuy nhiên, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 thì trường hợp ông Nguyễn Đức T đã được xác định hỗ trợ mức chênh lệch giữa đơn giá đất tái định cư và đơn giá đất ở bị thu hồi, diện tích đất hỗ trợ là 135 m². Do đó, diện tích đất còn lại 221,5 m² (356,5 m² - 135 m²) chưa hỗ trợ nên được xác lập hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Phương Thảo, bà Nguyễn Thị Kiều T1, bà Nguyễn Thị Thanh T.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9870/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Phương Thảo (là con gái ông T). Trong đó, nội dung công nhận về yêu cầu hỗ trợ mức chênh lệch giữa đơn giá đất ở bị thu hồi và đơn giá đất tại khu tái định cư. Thực hiện Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố Q, đơn vị lập phương án bồi thường đã lập phương án hỗ trợ bổ sung giá trị chênh lệch giữa đơn giá đất ở bị thu hồi và đơn giá đất tại khu tái định cư cho bà T1 và bà T, được UBND thành phố Q phê duyệt tại Quyết định số 12269/QĐ-UBND ngày 30/12/2017 (trong đó bà T1 được hỗ trợ 73,8 m² đất là 94.906.800 đồng; bà T được hỗ trợ 73,8 m² đất là 94.906.800 đồng).

Đối chiếu khoản 3 Điều 108 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng*

đất”; khoản 1 Điều 3 Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T3 chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất: *“Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá thì tiền sử dụng đất phải nộp được xác định bằng giá đất tính thu tiền sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất nhân với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất”*.

Từ cơ sở nêu trên cho thấy, việc UBND thành phố Q ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại thời điểm năm 2015; Quyết định giao đất tái định cư cho ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kiều T1, bà Nguyễn Thị Thanh T năm 2016, xác định thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất theo Công văn số 610/UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; xác định giá trị hỗ trợ chênh lệch giữa vị trí đất thu hồi và vị trí đất tái định cư đối với trường hợp hộ ông Nguyễn Đức T, hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1, hộ bà Nguyễn Thị Thanh T là đảm bảo đúng quy định.

(3) Đối với trường hợp giao đất tái định cư của hộ ông Nguyễn N (con trai bà Trương Thị T3):

- Trường hợp hộ bà Trương Thị T3 được UBND thành phố Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 6085/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, hộ bà T3 được giao 01 lô đất tái định cư tại Khu dân cư đường Trần Khánh Dư tại Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 03/11/2015; giá đất tái định cư được UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định theo Công văn số 3950/UBND ngày 05/9/2014, tại điểm 2 của Công văn có nội dung: *“Giá đất thu tiền sử dụng đất tại điểm 1 của Công văn này được áp dụng đối với các trường hợp bị thu hồi đất để phục vụ dự án Đường bờ Nam sông T đủ điều kiện giao đất tái định cư và được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường tại thời điểm năm 2014 theo quy định tại Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi”*.

- Sau khi phương án được UBND thành phố Q phê duyệt, bà Trương Thị T3 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, nhận đất tái định cư và bàn giao mặt bằng để thi công dự án. Tuy nhiên, bà T3 phát sinh đơn khiếu nại yêu cầu được giao đất tái định cư cho con là ông Nguyễn N. Ngày 03/4/2017, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Công văn số 1805/UBND-NC về việc chỉ đạo xử lý khiếu nại của bà Trương Thị T3, theo nội dung tại điểm 2 của Công văn, UBND tỉnh Quảng Ngãi thống nhất giao 01 lô đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn N để xây dựng nhà ở, giá đất tính thu tiền sử dụng đất áp dụng giá đất tại thời điểm giao đất tái định cư cho hộ bà Trương Thị T3.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan liên quan, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 3799/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn N (lô LK06.09 tại Khu dân cư đường Trần Khánh Dư); giá đất được xác định theo Công văn số 3950/UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (giá đất tại thời điểm giao đất tái định cư cho bà Trương Thị T3), giá lô đất

giao cho ông Nguyễn N tiếp giáp với đường số 03 và 05 có mặt tiền đường 16,5 m là 2.700.000 đồng/m², ông Nguyễn N phải nộp tiền sử dụng đất, không được hỗ trợ chênh lệch giữa vị trí đất thu hồi và vị trí đất tái định cư. Việc giao đất có thu tiền sử dụng đất và áp dụng giá đất thu tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn N là đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1805/UBND-NC ngày 03/4/2017.

Từ những cơ sở trên cho thấy, việc Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 (con gái ông Nguyễn Đức T) là đảm bảo đúng quy định.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc và tham gia phiên tòa nhưng ông Phạm N Anh V, chị Lê Thị Mỹ T2, anh Lê Tấn P, chị Lê Thị Mỹ T đều không đến Tòa án để làm việc và cũng không có văn bản ý kiến trình bày gửi đến Tòa án về nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 108, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 18, các Điều 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; khoản 1 Điều 3 Thông tư số 76/2014/TT-BTC của Bộ T3 chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Kiều T1 về việc hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo:

Ngày 29/10/2020 và ngày 12/11/2020, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, xét xử vụ án không thỏa đáng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các bà.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ, hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có người đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố Q đối với hộ bà T1, bà T là đã xem xét thấu đáo và phù hợp với nguyện vọng của người dân. Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng; thu thập, xem xét đầy đủ các chứng cứ, tài liệu làm căn cứ giải quyết vụ án và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của những người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T và bà T1 đều có kháng cáo nhưng người kháng cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được nội dung kháng cáo là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Hộ ông Nguyễn Đức T sử dụng thửa đất số 1195, tờ bản đồ số 01, đo vẽ năm 1993, diện tích 437 m², loại đất ở đô thị, được UBND thị xã Quảng Ngãi (nay là thành phố Q) cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Đức T vào ngày 19/9/2005.

Thực hiện Dự án Kè chống sạt lở bờ Nam sông T, năm 2010 ông Nguyễn Đức T đã bị thu hồi một phần diện tích của thửa đất trên là 80,5 m² (đã được bồi thường, hỗ trợ). Do đó, tại tờ bản đồ số 01 đo vẽ năm 2014 thể hiện ông Nguyễn Đức T sử dụng thửa đất số 16, diện tích 356,5 m², loại đất ODT; toàn bộ diện tích đất này nằm trong quy hoạch Dự án Đường bờ Nam sông T và đã được UBND thành phố Q thu hồi tại Quyết định số 6153/QĐ-UBND ngày 26/12/2014. Theo đó, ngày 08/10/2015 UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 3840/QĐ-

UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (phương án đợt 2), trong đó có hộ ông Nguyễn Đức T, hộ bà Nguyễn Thị Thanh T và hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1; ngày 04/5/2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2788/QĐ-UBND và Quyết định số 2789/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh T và hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1.

[2] Theo quy định tại khoản 3 Điều 108 của Luật Đất đai năm 2013 thì: *“Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước có quyết định giao đất, cho thuê đất...”*; tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T3 chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất: *“Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá thì tiền sử dụng đất phải nộp được xác định bằng giá đất tính thu tiền sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất được giao tại thời điểm có quyết định giao đất nhân với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất”* và điểm 2 Công văn số 610/UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về giá đất tái định cư tại Khu dân cư đường Trần Khánh Dư: *“Giá đất thu tiền sử dụng đất tại điểm 1 của Công văn này được áp dụng đối với các trường hợp bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố Q, được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường tại thời điểm năm 2015 và đối tượng được giao đất tái định cư nhận tiền bồi thường theo phương án đã phê duyệt”* (tại điểm 1 quy định về giá đất tái định: các lô đất tiếp giáp với tuyến đường số 03 và số 05 có mặt cắt nền đường 16,5m là 3.242.800 đồng/m²; các lô đất tiếp giáp với tuyến đường số 04 có mặt cắt nền đường 13,5m là 3.080.000 đồng/m²).

[3] Áp dụng các quy định của pháp luật nêu trên thì trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1, hộ bà Nguyễn Thị Thanh T được UBND thành phố Q phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 08/10/2015; được giao đất tái định cư năm 2016. Do đó, việc UBND thành phố Q áp giá đền bù, xác định giá trị hỗ trợ chênh lệch giữa vị trí đất thu hồi và vị trí đất tái định cư đối với trường hợp hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1, hộ bà Nguyễn Thị Thanh T là đúng quy định của pháp luật. Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu của bà T1, bà T về việc hủy Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng pháp luật.

[4] Xét ý kiến của bà T1, bà T đối với việc bị áp giá đền bù cao hơn so với hộ bà Trương Thị T3 và hộ bà Phạm Thị Tâm thì thấy:

Mặc dù được lập phương án bồi thường cùng một thời điểm với hộ bà T3 và bà Tâm nhưng do ông Nguyễn Đức T (cha của bà T1, bà T) không đồng ý với phương án bồi thường về đất nên UBND thành phố Q có chỉ đạo để lại giải quyết sau. Vì vậy, hộ bà Tâm và hộ bà T3 được phê duyệt theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi xác định giá trị bồi thường là đất không vị trí chỉ có giá trị 500.000 đồng/m²; còn hộ ông T, bà

T, bà T1 thì phải xác định giá trị bồi thường theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là loại đất vị trí 1, đường phố loại 6 với giá đất 1.794.000 đồng/m². Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường về mặt bằng chưa thực hiện được, do đó bà Tâm, bà T3 nhận tiền bồi thường theo quyết định phê duyệt phương án tại thời điểm năm 2014 nên đơn giá áp dụng vẫn là đơn giá cũ (mặc dù tới năm 2016 mới bàn giao mặt bằng). Mặt khác, với cơ chế quy định tại Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi là chỉ cho thực hiện giao đất cho nhiều thế hệ là không quá 02 lô; nhưng tại Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã cho cơ chế giao đất cho nhiều thế hệ nên gia đình ông T đã được giao thêm 03 lô đất nữa. Vì vậy, việc bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố Q là đúng pháp luật; đồng thời đã bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà T1 và hộ bà T.

[5] Trên cơ sở những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Việc bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố Q đối với hộ bà Nguyễn Thị Kiều T1 và hộ bà Nguyễn Thị Thanh T là đúng pháp luật; đồng thời đã bảo đảm đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của hộ bà T1 và hộ bà T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của bà T1, bà T về việc hủy Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q là đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà T1, bà T và ông L có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; tuy vậy, nội dung Đơn kháng cáo ngày 29/10/2020 và ngày 12/11/2020 cũng như nội dung Đơn trình bày của bà T1, bà T, ông L đề ngày 18/3/2021 phần lớn là do suy luận chủ quan, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có một số ý kiến không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc không có căn cứ để chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kiều T1, bà Nguyễn Thị Thanh T và của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Bùi Quang L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2020/HC-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 108, Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1

Điều 18, các Điều 27, 28, 29, 30 và Điều 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 5, các Điều 7, 10, 12, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 1 Thông tư số 02/2016/TT-TTCTP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCTP ngày 31/10/2013; khoản 1 Điều 3 Thông tư số 76/2014/TT-BTC của Bộ T3 chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 về việc: Hủy Quyết định số 6228/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 (là con gái ông Nguyễn Đức T)”.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 cùng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006001 ngày 02/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kiều T1 cùng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Bùi Quang L nộp thay tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0006364 ngày 12/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 28/6/2021.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền